

Số: /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua và ban hành Nghị quyết bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 và Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua bổ sung Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, gồm các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “*Trong kỳ ban hành bảng giá đất mà cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thay đổi mục đích sử dụng đất và bổ sung các đường, phố chưa có tên trong bảng giá đất hiện hành nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ giá đất trong bảng giá đất hiện hành để quy định bổ sung giá đất trong bảng giá đất và trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi quyết định ban hành. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quy định bổ sung giá đất trong bảng giá đất và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày quyết định bổ sung giá đất trong bảng giá đất.*”

Tuy nhiên, căn cứ điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*...quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai*”; theo khoản 10 Điều 22 Luật Đất đai 2013 quy định một trong những nội dung quản lý nhà nước về đất đai: “*Quản lý tài chính về đất đai và giá đất*”; đồng thời, theo quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật khoản 2 và khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2020): “*2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; 3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau*” . Như vậy, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền thông qua bảng giá đất định kỳ 5 năm và điều chỉnh bảng giá đất.

Qua rà soát, đề xuất của UBND các huyện, thành phố thì hiện nay một số dự án khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh giao đất, mới hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng đưa vào sử dụng và cập nhật một số tuyến đường, đoạn đường chưa có tên trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/07/2020 và Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 cần bổ sung kịp thời để làm cơ sở chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất; tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; tính thuế sử dụng đất; tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Vì vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua, ban hành Nghị quyết bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết thông qua bổ sung bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật về công tác giá đất; đảm bảo phù hợp với thực tế về quản lý, sử dụng đất tại địa bàn các huyện, thành phố.

2. Quan điểm chỉ đạo

Bổ sung các tuyến đường, khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư chưa có quy định trong bảng giá đất hoặc mới được đầu tư và đã đưa vào sử dụng tuân thủ theo quy định Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG BẢNG GIÁ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

- Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

- Kết quả rà soát, cập nhật bổ sung các vị trí xác định giá đất phục vụ xây dựng Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024); kết quả điều tra, khảo sát thu thập thông tin, giá đất thị trường tại điểm điều tra; Tổ soạn thảo Văn bản quy phạm pháp luật đã tổ chức kiểm tra thực địa, rà soát hồ sơ và lập biên bản kiểm tra, thống nhất giá đất tại các huyện, thành phố.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bộ cục

- Cơ quan ban hành văn bản: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- Dự thảo Nghị quyết gồm có 02 Điều, cụ thể:

Điều 1: Thông qua bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 và Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn như sau: *(Có Bảng giá các loại đất bổ sung kèm theo)*.

Điều 2: Quy định về trách nhiệm tổ chức, thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

Quy định bổ sung các tuyến đường, khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư chưa có quy định trong bảng giá đất hoặc mới được đầu tư và đã đưa vào sử dụng *(thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)* cụ thể như sau:

Bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 và Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn *(có Bảng giá các loại đất bổ sung kèm theo)*.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua và ban hành Nghị quyết về bổ sung Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử :

- HĐND tỉnh (để trình);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT. HĐTĐ bảng giá đất tỉnh;
- LĐVP;

Gửi bản giấy:

- HĐND tỉnh (để trình);
- TT. HĐTĐ bảng giá đất tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

**BẢNG GIÁ ĐẤT ĐỊNH KỲ 05 NĂM (2020 - 2024) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
BẮC KẠN KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/2020/QĐ-UBND NGÀY
01/7/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2022/QĐ-UBND NGÀY 20/12/2022 CỦA
UBND TỈNH BẮC KẠN**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
1	Từ hết đất ông Hà Như Hoi đến hết thửa đất số 374, tờ BĐ số 60 của bà Phan Thị Thanh Xuân	900
2	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hường, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng	2.000
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
1	Khu dân cư Thôm Dầy	
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 13,5m	5.000
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	4.500
2	Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp là 20m ra đường Thanh Niên (cách lộ giới đường Thanh Niên là 20m)	10.000
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (cách lộ giới đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu)	2.500
4	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Trung đến hết đất ông Lèng Văn Phương	2.000
	PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI	
1	Từ đất ông Khương Văn Chính đến ngàm Bắc Kạn	3.000
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Khu dân cư Thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
1.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	13.000
1.2	Các trục đường còn lại	11.000
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
1	Đường Bản Đồn - Mai Hiên	400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN BA BÈ	
	THỊ TRẤN CHỢ RÃ	
1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới là 17,5m	3.700
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới là 11,5m	3.400
	HUYỆN NGÂN SƠN	
A	THỊ TRẤN VÂN TÙNG	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	2.000
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	1.300
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	2.600
3.2	Các khu vực còn lại	1.500
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đôn)	600
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đôn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	300
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	350
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	700
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1.500
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận thị trấn Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	400
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	750

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	650
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	500
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1.600
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II)	1.500
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	1.150
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	200
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	650
9	Từ đất nhà ông Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	400
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	700
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	500
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	350
13	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác thị trấn Vân Tùng.	300

II. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
1	Từ hết đất ông Hà Như Hợi đến hết thửa đất số 374, tờ ĐĐ số 60 của bà Phan Thị Thanh Xuân	720
2	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hưởng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng	1.600
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
1	Khu dân cư Thôm Dầy	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 13,5m	4.000
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	3.600
2	Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp là 20m ra đường Thanh Niên (cách lộ giới đường Thanh Niên là 20m)	8.000
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (cách lộ giới đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu)	2.000
4	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Trung đến hết đất ông Lèng Văn Phương	1.600
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
1	Từ đất ông Khương Văn Chính đến ngầm Bắc Kạn	2.400
PHƯỜNG HUYỀN TỤNG		
1	Khu dân cư Thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
1.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	10.400
1.2	Các trục đường còn lại	8.800
PHƯỜNG XUẤT HÓA		
1	Đường Bản Đôn - Mai Hiên	320
HUYỆN NGÂN SƠN		
A	THỊ TRẤN VÂN TÙNG	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	1.600
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	1.040
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	2.080
3.2	Các khu vực còn lại	1.200
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đồn)	480
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	240
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	280
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	560
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1.200
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận thị trấn Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	320
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trường Nội trú	600
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	520
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	400
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1.280
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chúc (kô 69, khu II)	1.200
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	920
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	160
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	520
9	Từ đất nhà ông Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	320
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	560
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	400
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	280
13	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác thị trấn Vân Tùng.	240

III. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ hết đất ông Hà Như Hối đến hết thửa đất số 374, tờ ĐĐ số 60 của bà Phan Thị Thanh Xuân	540
2	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hưởng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng	1.200
PHƯỜNG SÔNG CẦU		
1	Khu dân cư Thôm Dây	
1.1	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 13,5m	3.000
1.2	Trục đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	2.700
2	Từ cách lộ giới đường Võ Nguyên Giáp là 20m ra đường Thanh Niên (cách lộ giới đường Thanh Niên là 20m)	4.800
3	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (cách lộ giới đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu)	1.500
4	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Trung đến hết đất ông Lèng Văn Phương	1.200
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
1	Từ đất ông Khương Văn Chính đến ngàm Bắc Kạn	1.800
PHƯỜNG HUYỀN TỤNG		
1	Khu dân cư Thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
1.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	7.800
1.2	Các trục đường còn lại	6.600
PHƯỜNG XUẤT HÓA		
1	Đường Bản Đôn - Mai Hiên	240
HUYỆN NGÀN SƠN		
A	THỊ TRẤN VÂN TÙNG	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	1.200
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	780
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	1.560
3.2	Các khu vực còn lại	900

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đồn)	360
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	180
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	210
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	420
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	900
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận thị trấn Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	240
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	450
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	390
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	300
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	960
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II)	900
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	690
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	120
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	390
9	Từ đất nhà ông Dương đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m	240
10	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	420
11	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	300
12	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	210
13	Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác thị trấn Vân Tùng.	180

IV. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể	
1.1	Từ giáp đất phường Sông Cầu đến Cầu Quan Nưa	2.000
1.2	Từ Cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	1.500
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng	7.400
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đất nhà ông Nông Văn Hảo	1.500
2	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào hết khe Cốc Chanh, thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	800
3	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào khe Đông Dăm (đoạn đến giáp ngã ba vào kho K97), thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	700
4	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên tỉnh Ủy) đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	3.000
	HUYỆN NA RÌ	
	XÃ DƯƠNG SƠN	
1	Đường Quang Phong - Đồng Xá đoạn đường thuộc địa phận xã Dương Sơn	90
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ CỎ LINH	
1	Đoạn đường khu dân cư khu vực Mù Là thôn Lũng Phặc, xã Cỏ Linh (Từ nhà ông Hoàng Văn Tuy đến hết đất xã Cỏ Linh, huyện Pác Nặm giáp ranh với đất xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang)	400
	HUYỆN BA BỂ	
	XÃ CHU HƯƠNG	
1	Từ ngã ba đầu nối đường 258 (cũ) (rẽ đi Hà Hiệu) đến hết đất xã Chu Hương	340
	XÃ QUẢNG KHÊ	
1	Tuyến đường 257B: Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê (đi xã Đồng Phúc) đến hết đất Quảng Khê.	560
	XÃ ĐỒNG PHÚC	
1	Tuyến đường 257B	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1.1	Từ đất xã Đồng Phúc (giáp xã Quảng Khê) đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thế, thôn Tân Lược	560
1.2	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thế, thôn Tân Lược đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Lan, thôn Nà Thầu.	450
2	Từ nhà Bà Hoàng Thị Thu, thôn Tân Lược đến hết đất nhà Ông Hoàng Văn Vịnh, thôn Bản Chán.	300

V. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
XÃ DƯƠNG QUANG		
1	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể	
1.1	Từ giáp đất phường Sông Cầu đến Cầu Quan Nưa	1.600
1.2	Từ Cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	1.200
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng	5.920
XÃ NÔNG THƯỢNG		
1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đất nhà ông Nông Văn Hảo	1.200
2	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào hết khe Cốc Chanh, thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	640
3	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào khe Đông Đăm (đoạn đến giáp ngã ba vào kho K97), thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	560
4	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên tỉnh Ủy) đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	2.400
HUYỆN NA RÌ		
XÃ DƯƠNG SƠN		
1	Đường Quang Phong - Đồng Xá đoạn đường thuộc địa phận xã Dương Sơn	72
HUYỆN PÁC NẶM		
XÃ CỎ LINH		
1	Đoạn đường khu dân cư khu vực Mù Là thôn Lũng Phặc, xã Cỏ Linh (Từ nhà ông Hoàng Văn Tuy đến hết đất xã Cỏ Linh, huyện Pác Nặm giáp ranh với đất xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang)	300

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN BA BÈ	
	XÃ CHU HƯƠNG	
1	Từ ngã ba đầu nối đường 258 (cũ) (rẽ đi Hà Hiệu) đến hết đất xã Chu Hương	270
	XÃ QUẢNG KHÊ	
1	Tuyến đường 257B: Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê (đi xã Đồng Phúc) đến hết đất Quảng Khê.	450
	XÃ ĐỒNG PHÚC	
1	Tuyến đường 257B	
1.1	Từ đất xã Đồng Phúc (giáp xã Quảng Khê) đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thê, thôn Tân Lược	450
1.2	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thê, thôn Tân Lược đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Lan, thôn Nà Thầu.	360
2	Từ nhà Bà Hoàng Thị Thu, thôn Tân Lược đến hết đất nhà Ông Hoàng Văn Vĩnh, thôn Bản Chán.	240

VI. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bè	
1.1	Từ giáp đất phường Sông Cầu đến Cầu Quan Nưa	1.200
1.2	Từ Cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	900
2	Đường nội bộ khu dân cư Phặc Tràng	4.440
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
1	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đất nhà ông Nông Văn Hảo	900
2	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào hết khe Cốc Chanh, thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	480
3	Từ cách lộ giới đường Quốc lộ 3 là 20m vào khe Đông Đăm (đoạn đến giáp ngã ba vào kho K97), thôn Nam Đội Thân, xã Nông Thượng	420
4	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên tỉnh Ủy) đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	1.800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN NA RÌ	
	XÃ DƯƠNG SƠN	
1	Đường Quang Phong - Đổng Xá đoạn đường thuộc địa phận xã Dương Sơn	54
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ CỎ LINH	
1	Đoạn đường khu dân cư khu vực Mù Là thôn Lũng Phặc, xã Cỏ Linh (Từ nhà ông Hoàng Văn Tuy đến hết đất xã Cỏ Linh, huyện Pác Nặm giáp ranh với đất xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang)	240
	HUYỆN BA BÈ	
	XÃ CHU HƯƠNG	
1	Từ ngã ba đầu nối đường 258 (cũ) (rẽ đi Hà Hiệu) đến hết đất xã Chu Hương	200
	XÃ QUẢNG KHÊ	
1	Tuyến đường 257B: Từ ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê (đi xã Đồng Phúc) đến hết đất Quảng Khê.	330
	XÃ ĐỒNG PHÚC	
1	Tuyến đường 257B	
1.1	Từ đất xã Đồng Phúc (giáp xã Quảng Khê) đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thê, thôn Tân Lượ	330
1.2	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thê, thôn Tân Lượ đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Lan, thôn Nà Thầu.	270
2	Từ nhà Bà Hoàng Thị Thu, thôn Tân Lượ đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Vịnh, thôn Bản Chán.	180

VII. GHI CHÚ:

1. Thay cụm từ “Xã Vân Tùng” thành “Thị trấn Vân Tùng” trên Bảng giá các loại đất.

2. Bãi bỏ mục “B. Khu vực xã Vân Tùng” thuộc huyện Ngân Sơn tại các mục: “IX. Bảng giá đất ở tại nông thôn”, “X. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn”, “XI. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn” tại Bảng giá đất kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

3. Bãi bỏ tuyến “Đường trục xã từ QL3 - Nghĩa Trang - Lâm Trường - Nà Slác xã Vân Tùng” mục “Xã Vân Tùng” - huyện Ngân Sơn tại các mục: “IV. Bảng giá đất ở tại nông thôn”, “V. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn”, “VI. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn” tại Bảng giá đất kèm theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn.